# Functional Requirements Specification

# Table of Contents

# 1.  Introduction

## 1.1    Purpose

The purpose of this Functional Requirements Specification (FRS) is to define the functional requirements for Digital Panel Doctor. The requirements specified in this FRS document define the system from a functional perspective. It includes the system, data, performance, configuration, security, operational, and maintenance capabilities that the system must provide in order to meet business needs.

## 1.2    Objectives

This project aimed to describe a functional requirement for Digital Panel Doctor.

## 1.3    Scope

Allow PD can update ME Item result more details

Allow PVA user can review and modify before send results to BPM system.

## 1.4    Out of Scope

N/A

## 1.5    Assumptions, Dependencies, Constraints

N/A

# 2.  Functional Requirements

The functional requirements specified in this FRS are defined within the following categories mentioned below.

Note: Requirement descriptions can be in use case format, screenshots, tables or whatever is most relevant to and suits the needs of the requirements in question.

## 2.1    PD – ME Update

### 2.1.1    Mockup

## *2.1.2 Field Description*

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|-----|------------|------------|----------|----------|---------------|--------|------------|---------------|
| 1 | Số hợp đồng | Text field | colspan=6 Same as current behaviors |

## *2.1.3 Table Description*

**Table LA's Information**

| S/N | Column Name | Column Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|-----|-------------|-------------|----------|----------|---------------|--------|------------|---------------|
| 1 | Họ và tên | Text field | colspan=6 Same as current behaviors |
| 2 | Số CMND/GKS | Text field | colspan=6 Same as current behaviors |

## *2.1.4 Button Description*

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|-----|-------------|----------|----------|--------|------------|---------------|
| 1 | Cập nhật kết quả | colspan=5 Same as current behavior |
| 2 | Thêm file | colspan=5 Same as current behavior |
| 3 | Xóa | colspan=5 Same as current behavior |
| 4 | Xác nhận | Yes | N/A | Upon click, system will display popup with the warning message "Chú ý: Vui lòng cập nhật đầy đủ thông tin kết quả khám cho tất cả khách hàng trước khi đính kèm hình ảnh hồ sơ khám về Prudential." With 2 buttons<br><br>  1. Đồng ý<br>  2. Quay lại<br><br>If user click on button "Đồng ý", system will<br><br>  1. Save all data of each LA (ME completed date, all ME item with measures include new ME item created by PD user) to database with policy number and version of each ME item.<br><br>Note: Even PD user don't update all LA have ME request, | | |

| | | | | ==system still save to database as 1 record.== 2. Save all uploaded file in database with policy number and <u>DON'T send file to FileNet</u> If user click on button "Quay lại", system will close the popup | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Hủy | Redirect to previous page | | | | |

## 2.2    PD – ME Item Update

### 2.2.1    Mockup

| Họ và tên | TRAN VAN A | Số CMND/ KS | 168000865 | Số hợp đồng | 70539087 |
|---|---|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Tuổi | 29 | | |

**Section A – LA's Information**

+ Thêm mới chỉ định khám

**HIV Test**

| Ngày yêu cầu | 10/10/2019 |
|---|---|
| Yêu cầu bổ sung | |
| Ghi chú kết quả | |
| Xác nhận thực hiện | ☑ |
| Blood | ▼ |
| Blood | cells ▼ |
| Protein | mg/dL ▼ |

**Xét nghiệm nước tiểu**

| Ngày yêu cầu | 10/10/2019 |
|---|---|
| Yêu cầu bổ sung | |

⊘ Hủy    🖫 Xác nhận

**Section B – ME item & ME Item details**

### 2.2.2    Field Description

**Section A: LA's Information**

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| 1 | Họ tên | Same as current behaviors |
|---|--------|---------------------------|
| 2 | Số CMND/KS | Same as current behaviors |
| 3 | Số hợp đồng | Same as current behaviors |
| 4 | Giới tính | Same as current behaviors |
| 5 | Tuổi | Same as current behaviors |

**Section B: ME item & ME item details**

System will display 4 fields: "Ngày yêu cầu, Yêu cầu bổ sung, Ghi chú kết quả, xác nhận thực hiện same as current behavior.

After that, system will display all ME requested item. In 1 ME item will have many measures was configured in backend.

1 measure will display:

- Measure name
- Measure field type (Dropdownlist, textfield, number, checkbox, etc…)
- Measure unit (optional)
- All measure will be no mandatory.

### *2.2.3 Button Description*

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|-----|-------------|----------|----------|--------|------------|---------------|
| 1 | Thêm mới chỉ định khám | Yes | N/A | Upon click, system will display popup to allow PD user can add new ME item. In popup will have 1 dropdown list and 2 buttons: <br>1. Dropdown list display all ME items except items have status = active. Notes: It should be the same as current. <br>2. Yes button, upon click will add new ME tab <br>3. No button, upon click will close the popup | | |
| 2 | Xác nhận | Yes | N/A | Upon click. System will save all data as temp data. | | |
| 3 | Hủy | Yes | N/A | Upon click, system will close the popup. | | |

### 2.3    PVA – ME Result update – Team task

### 2.3.1    *Mockup*



### 2.3.2    *Field Description*

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số hợp đồng | Text field | Yes | No | | | | |
| 2 | Ngày khám | Date picker | Yes | No | | | | |

### 2.3.3    *Table Description*

Get all policy number have ME item updated by PD and assigned by = NULL and status = Pending.

| S/N | Column Name | Column Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số hợp đồng | Text field | No | N/A | Display proposal number | | | |
| 2 | Ngày khám | Date | No | N/A | Display ME Completed Date | | | |
| 3 | Bệnh viện/Phòng khám | Text field | No | N/A | Display ME Office name | | | |

### 2.3.4    *Button Description*

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tìm | Yes | N/A | Upon click, system will get all ME updated item have policy number = inputted policy number and ME completed | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | date = Ngày khám and Assigned by = NULL | | |
| 2 | Xem chi tiết | Yes | N/A | Redirect to page ME result update – Task details. | | |
| 3 | Chuyển cho nhân viên | Yes | N/A | Upon click, system will display popup same as PVA – ME Result update – Assign Task (Manager) | | |

## 2.4    PVA – ME Result update – Assign task (Manager)

### 2.4.1    Mockup



### 2.4.2    Field Description

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | User | Dropdown list with auto suggestion<br><br>Value: Get all PVA user include current user and manager user and display as format:<br><br>Full Name (username). | Yes | No | | | | |

### 2.4.3    Button Description

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xác nhận | Yes | N/A | If the dropdown list select user is not null then Upon click, system will set Assigned by = selected user and display success message. | | |
| 2 | Hủy | Yes | N/A | Close the popup | | |

## 2.5 PVA – ME Result update – My Task

### 2.5.1 Mockup

**Cập nhật và kiểm tra kết quả khám - Công việc của tôi**

Số hợp đồng
Vui lòng chọn

Ngày khám
Vui lòng chọn   📅   🔍 Tìm

| # | Số hợp đồng | Ngày khám | Bệnh viện/Phòng khám | Tình trạng | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 79012120 | 19/09/2019 | BV Pháp Việt | Doing | Xem chi tiết | Thực hiện | Từ bỏ task |
| 2 | 79012188 | 18/09/2019 | BV Pháp Việt | Pending | Xem chi tiết | Thực hiện | Từ bỏ task |

### 2.5.2 Field Description

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số hợp đồng | Text field | Yes | No | | | | |
| 2 | Ngày khám | Date picker | Yes | No | | | | |

### 2.5.3 Table Description

Get all policy number have ME item updated by PD and assigned by = current user and status = Pending/Doing.

| S/N | Column Name | Column Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số hợp đồng | Text field | No | N/A | Display proposal number | | | |
| 2 | Ngày khám | Date | No | N/A | Display ME Completed Date | | | |
| 3 | Bệnh viện/Phòng khám | Text field | No | N/A | Display ME Office name | | | |
| 4 | Tình trạng | Text field | No | N/A | Display current status | | | |

### 2.5.4 Button Description

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tìm | Yes | N/A | Upon click, system will get all ME updated item have policy number = inputted policy number and ME completed | | |

| | | | | date = Ngày khám and Assigned by = current user | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Xem chi tiết | Yes | N/A | Redirect to page ME result update – Task details. | | |
| 3 | Thực hiện | Yes | N/A | Redirect to page ME result update – Do task | | |
| 4 | Từ bỏ task | Yes | N/A | Upon click, system will set assigned by = NULL and status = Pending then return this task to Team Task Page. | | |

## 2.6 PVA – ME Result update – Do task

### 2.6.1 Mockup

**Cập nhật kết quả khám**

| LA1 | LA2 | LA3 | LA4 |

**Thông tin hợp đồng/khách hàng**

| Họ và tên | TRAN VAN A | Số CMND/ KS | 168000865 | Số hợp đồng | 70539087 |
|---|---|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Tuổi | 29 | | |

*Section 1: Thông tin hợp đồng/khách hàng*

**Hồ sơ sức khỏe**

| Tiền sử | | ME Date | |

| Chiều cao/ cân nặng | Cm | Kg | BMI | | Huyết áp tối đa/ tối thiểu | |

| Mạch | | | Thị lực | /10 Trái | /10 Phải |

| Tri giác | ● Bình thường ○ Bất thường | | Niêm mạc | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Đầu và cổ | ● Bình thường ○ Bất thường | | Liệt thần kinh số 7 | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Liệt hầu | ● Bình thường ○ Bất thường | | Tuyến giáp | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Ngực | ● Bình thường ○ Bất thường | | Tím môi, ngón tay dùi trống | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Bụng | ● Bình thường ○ Bất thường | | Gan | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Lách | ● Bình thường ○ Bất thường | | Khối u/ Bướu | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Phình động mạch chủ bụng | ● Bình thường ○ Bất thường | | Bộ phận sinh dục | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Tứ chi: (Còn nguyên vẹn, có liệt không?) | ● Bình thường ○ Bất thường | | Hạch bạch huyết | ● Bình thường ○ Bất thường |
| Chữ ký trùng với chữ ký tay | ○ Trùng ○ Không trùng | | | |

*Section 2: Hồ sơ sức khỏe*

*Section 3: Kết quả xét nghiệm*

Display a tab to show LAs were updated by PD user. 1 LA will be 1 tab.

Based on the selected tab, system will display the information belong to selected LA. In 1 tab will display

- Thông tin hợp đồng/khách hàng
- Hồ sơ sức khỏe
- Kết quả xét nghiệm

Besides, system will always have 1 tab have name = "Giấy tờ"



*Tab giấy tờ*

### 2.6.2 *Section 1: Thông tin hợp đồng/khách hàng*

#### 2.6.2.1 **Field Description**

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|-----|-----------|-----------|----------|----------|---------------|--------|-----------|---------------|
| 1 | Họ tên | | | | Same as current behaviors | | | |
| 2 | Số CMND/KS | | | | Same as current behaviors | | | |
| 3 | Số hợp đồng | | | | Same as current behaviors | | | |
| 4 | Giới tính | | | | Same as current behaviors | | | |
| 5 | Tuổi | | | | Same as current behaviors | | | |

### 2.6.3 Section 2: Hồ sơ sức khỏe

#### 2.6.3.1 Field Description

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tiền sử | Text Area | Yes | Yes | | | If this field = NULL, then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail |
| 2 | ME Date | Date | No | N/A | Display ME Completed date | | |
| 3 | Chiều cao | Number | Yes | Yes | | | |
| 4 | Cân nặng | Number | Yes | Yes | | | |
| 5 | BMI | Number | No | Yes | Cân nặng/ (Chiều cao x Chiều cao) | | • If Age > 16<br><br> If BMI<=30 or >= 16.5 then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail<br><br>If Age <= 16<br><br>If Height and Weight have in range in table set up then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail<br><br>Table setup:<br><br>BMI tre em.xlsx |
| 6 | HA tối đa | Number | Yes | Yes | | | If this field >= 90 or <= 135, then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail |
| 7 | HA tối thiểu | Number | Yes | Yes | | | If this field >= 60 or <= 90, then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail |

| 8 | Mạch | Number | Yes | Yes | | | If this field >= 60 or <= 95, then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Thị lực trái | Number | Yes | Yes | /10 | | If this field >=5 then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail |
| 10 | Thị lực phải | Number | Yes | Yes | /10 | | If this field >=5 then set output of this field = Pass<br><br>Else set = Fail |
| 11 | Tri giác | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 12 | Niêm mạc | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 13 | Đầu và cổ | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 14 | Liệt thần kinh số 7 | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 15 | Liệt hầu | Radio<br>Value: | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | • Bình thường<br>• Bất thường | | | | value = Bất thường | |
| 16 | Tuyến giáp | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 17 | Ngực | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 18 | Tím môi, ngón tay dùi trống | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 19 | Bụng | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 20 | Gan | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 21 | Lách | Radio<br>Value: | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | • Bình thường<br>• Bất thường | | | | value = Bất thường | |
| 22 | Khối u/Bướu | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 23 | Phình động mạch chủ bụng | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 24 | Bộ phận sinh dục | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 25 | Tứ chi: (Còn nguyên vẹn, có liệt không?) | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 26 | Hạch bạch huyết | Radio<br>Value:<br>• Bình thường<br>• Bất thường | Yes | Yes | Bình thường | Display the text box beside if selected value = Bất thường | Bình thường = Pass<br>Bất thường = Fail |
| 27 | Chữ ký trùng với chữ ký tay | Radio button<br>Value:<br>1. Trùng | Yes | Yes | | | Trùng = Pass<br>Không trùng = Fail |

| | | 2. Không trùng | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|

### 2.6.4 Section 3: Kết quả xét nghiệm

System will display all ME requested item and measure of each item with vale was inputted by PD user. 1 measure will display:

- Measure name

- Measure field type (Dropdownlist, textfield, number, checkbox, etc…)

- Measure unit (optional)

- All measure will be mandatory.

- System will detect the result of each measure based on the configuration in backend.

### 2.6.5 Tab Giấy tờ

#### 2.6.5.1 Table Description

Get all uploaded file by PD user have policy number = current policy number

| S/N | Column Name | Column Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ngày thực hiện | Date | No | N/A | Display uploaded date | | | |
| 2 | Đính kèm kết quả xét nghiệm | Text field | No | N/A | Display file name | | | |
| 3 | Tải xuống | Button | No | N/A | | Upon cick, allow user can download selected file | | |

### 2.6.6 Button Description

This button will display out of LA's tab

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xác nhận | Yes | N/A | Upon click, if pass all validations above, then system will:<br><br>1. Save all updated data of these LAs into database and set this status of this record = Completed | • Code xét nghiệm: ME item Code<br><br>• Ngày khám: ME Completed Date<br><br>• Mã phòng khám: ME Office Code |

| | | | | | 2. Integrate with BPM system to update information for all LA have in this record base on ME Code + LA Client Number + Policy Number:<br><br>LA:<br><br>- Xet Nghiem 1<br>  - BPM Code ID<br>  - Code xet Nghiem<br>  - Ngay kham<br>  - Mã phòng khám<br>  - Status = Completed<br>  - Ghi chu xet Nghiem<br>- Xet Nghiem 2<br>  - BPM Code ID<br>  - Code xet Nghiem<br>  - Ngay kham<br>  - Mã phòng khám<br>  - Status = Completed<br>  - Ghi chu xet Nghiem<br>- Ghi chu HSSK<br>- IsSignature<br>- Final result<br><br>Note: After call API send data to BPM, BPM will save all data related to ME request including new ME item created by PD user and create new note record for each LA and each ME item.<br><br>3. Send all uploaded file in section "Giấy tờ" to FileNet following the current process | - Ghi chú xét nghiệm:<br><br>  Display all measure of each ME item following format<br><br>  Measure 1: Value, Measure 2: Value, …<br>- Ghi chú HSSK: Display all value in section Hồ sơ sức khỏe following format below:<br>  - Tiền sử: Value, Chiều cao: Value, Cân nặng: Value, …<br>- IsSignature: Trùng or Không trùng<br>- Final result:<br>  - If any output result in section Hồ sơ sức khỏe and section Kết quả xét nghiệm = Fail, then return ReferUW<br>  - Else return Accept |
| 2 | Lưu tạm | Yes | N/A | Upon click, save all data to database and set status = Doing | |

| 3 | Hủy | Yes | N/A | Back to previous page | |
|---|---|---|---|---|---|

## 2.7 PVA – ME Result Update - History

### 2.7.1 Mockup



### 2.7.2 Field Description

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số hợp đồng | Text field | Yes | No | | | | |
| 2 | Ngày khám | Date picker | Yes | No | | | | |
| 3 | Tình trạng | Dropdown list<br>Value:<br>• Pending<br>• Doing<br>• Completed | Yes | No | | | | |
| 4 | Thực hiện bởi | Dropdown list<br>Value:<br>• Display all user following the format<br>Full name (username) | | | | | | |

### 2.7.3 Table Description

The table only display when you click on search button

| S/N | Column Name | Column Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| 1 | Số hợp đồng | Text field | No | N/A | Display proposal number | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Ngày khám | Date | No | N/A | Display ME Completed Date | | | |
| 3 | Bệnh viện/Phòng khám | Text field | No | N/A | Display ME Office name | | | |
| 4 | Thực hiện bởi | Text field | No | N/A | Display Assigned by | | | |
| 5 | Tình trạng | Text field | No | N/A | Display current status | | | |

### 2.7.4    *Button Description*

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tìm | Yes | N/A | Upon click, system will get all ME updated item have policy number = inputted policy number and ME completed date = Ngày khám and Assigned by = selected user and status = Selected status<br><br>If all fields = Null then display message "Vui long chọn ít nhất 1 tiêu chí để tìm kiếm" | | |

## 2.8    PVA - ME Configuration

### 2.8.1    *Mockup*

### 2.8.2    Field Description

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Loại xét nghiệm | Dropdownlist Value: Get all ME item have in system | Yes | No | | | | |
| 2 | Tên chỉ số | Text field | Yes | No | | | | |
| 3 | Status | Dropdownlist Value:<br>• Active<br>• Inactive | Yes | No | | | | |

### 2.8.3    Table Description

| S/N | Column Name | Column Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tên xét nghiệm | Text field | No | N/A | Display ME item name | | | |
| 2 | Tên chỉ số | Text field | No | N/A | Display ME Measure | | | |
| 3 | Đơn vị | Text field | No | N/A | Display all unit belongs to current ME item | | | |
| 4 | Status | Text field | No | N/A | Display current status | | | |
| 5 | Chỉnh sửa | Button | Yes | N/A | | Upon click, redirect to edit ME Configuration page | | |

### 2.8.4    Button Description

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|

| 1 | Thêm mới | Yes | N/A | Upon click, system will redirect to page create ME Configuration | | |
|---|---|---|---|---|---|---|

## 2.9    PVA – ME Configuration - Create

### 2.9.1    Mockup



Create measure with type = Check box



Create measure with type = Combo box

Create measure with type = Text field



Create measure with type = Number

### 2.9.2 Field Description

| S/N | Field Name | Field Type | Editable | Required | Default Value | Action | Validation | Business Rule |
|-----|------------|------------|----------|----------|---------------|--------|------------|---------------|
| 1 | Tên chỉ số | Text field | Yes | Yes | | | | |
| 2 | Loại xét nghiệm | Dropdown list<br><br>Option: Display all ME item name | Yes | Yes | | | | |
| 3 | Loại field | Dropdown list<br><br>Opotion:<br><br>   1.   Checkbox | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2. Combo box<br><br>3. Text field<br><br>4. Number | | | | | | |
| 4 | Đơn vị | Text field | Yes | Yes | Only display if Loại field = Text field or Number | | | |
| 5 | Status | Radio button<br>Option:<br><br>1. Active<br><br>2. Inactive | Yes | Yes | Active | | | |
| 6 | Kết quả | Text field | Yes | Yes | Only display if Loại field = Checkbox or Combo box | | | |
| 7 | Loại kết quả | Dropdown list<br>Option:<br><br>1. Pass<br><br>2. Fail | Yes | Yes | | | | Based on the selected value of user. System will define the result of this measure |
| 8 | Min | Number | Yes | No | Only display if Loại field = Number | | | If Min <= inputted data <= Max<br><br>Then set result of this measure = Pass<br><br>Else set result of this measure = Fail |
| 9 | Max | Number | Yes | No | | | | |

### 2.9.3    Button Description

| S/N | Button Name | Editable | Required | Action | Validation | Business Rule |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thêm đơn vị mới | Yes | N/A | Upon click, system will display new field allow user can input | | Only display if loại field = Number or Text field |

| 2 | Thêm giá trị mới | Yes | N/A | Upon click, system will display 2 fields "Giá trị" and "Loại kết quả" | | Only display if loại field = combo box |
| 3 | Xác nhận | Yes | N/A | Upon click, save to dabase with version | | |
| 4 | Hủy | Yes | N/A | Redirect to previous page. | | |

## 2.10 PVA – ME Configuration – Edit

### 2.10.1 Mockup



The rule to display fields will be the same with function PVA – ME Configuration – Create but the field "Loại xét nghiệm" will be disabled.

When user click on Xác nhận button, system will update all field to dabase with new version.

# 3. Non-Functional Requirements

## 3.1 None-Functional Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|---|---|
| | |

## 3.2 Security Requirements

### 3.2.1 Security Questionnaires:

| No. | Question | Answer (Y/N) |
|---|---|---|
| 1 | New functions accesses sensitive data or supports a ciritcal process | N |
| 2 | System/Application Integration change | N |
| 3 | Technical Solution change | N |
| 4 | Change in Authentication (Password strength, resets, 2 factor, lock out, hashing) | N |
| 5 | Change in Authorization (Role based, access reviewed, privilege access) | N |
| 6 | Change in Data Input Validation (Always strictly check all input parameters, insertion attacks) | Y |

| | | |
|---|---|---|
| 7 | Change in Session Management (Session replay, session attacks, session timeout) | N |
| 8 | Change in Configuration Management(related Infrastructure, i.e. Internet facing, baseline security, create new database connection, service accounts…) | N |
| 9 | Change in Data Protection (key data encrypted, masked, correctly restricted, privacy) | N |

### 3.2.2    User Role/Authorization Control Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|---|---|
| | |

### 3.2.3    User Administration Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|---|---|
| | |
| | |

### 3.2.4    System Administration Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|---|---|
| | |
| | |

### 3.2.5    Network Security Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|---|---|
| | |
| | |

### 3.2.6    Physical Security Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|---|---|
| | |
| | |

### 3.2.7    User ID Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|---|---|
| | |

# 4. Data Requirements

## 4.1    Data Access Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
| --- | --- |
|  |  |

## 4.2    Data Import/Export Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

## 4.3    Data Migration/Conversion Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

## 4.4    Data Backup, Restore, and Archiving Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

# 5. Security Requirements

## 5.1    Security Questionnaires

| No. | Question | Answer (Y/N) |
| --- | --- | --- |
| 1 | New functions access sensitive data or supports a critical process | N |
| 2 | System/Application Integration change | N |
| 3 | Technical Solution change | N |
| 4 | Change in Authentication (Password strength, resets, 2 factors, lock out, hashing) | N |
| 5 | Change in Authorization (Role based, access reviewed, privilege access) | N |
| 6 | Change in Data Input Validation (Always strictly check all input parameters, insertion attacks) | N |
| 7 | Change in Session Management (Session replay, session attacks, session timeout) | N |

| 8 | Change in Configuration Management (related Infrastructure, i.e. Internet facing, baseline security, create new database connection, service accounts…) | N |
| 9 | Change in Data Protection (key data encrypted, masked, correctly restricted, privacy) | N |

## 5.2    User Role/Authorization Control Requirements

| Section | Requirement Description |
|---------|------------------------|
| N/A | N/A |

## 5.3    User Administration Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|----------------|------------------------|
| N/A | N/A |

## 5.4    System Administration Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|----------------|------------------------|
| N/A | N/A |

## 5.5    Network Security Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|----------------|------------------------|
| N/A | N/A |

## 5.6    Physical Security Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|----------------|------------------------|
| N/A | N/A |

## 5.7    User ID Requirements

| Requirement ID | Requirement Description |
|----------------|------------------------|
| N/A | N/A |

# 6. Glossary

These are the abbreviations, acronyms, and terms that are specific to this FRS:

| Abbreviation, Acronym, and Term | Definition |
|---|---|
| N/A | N/A |

# 7. Reference Documents

The following reference documents were used during the development of this FRS:

| Document Number | Document Title | Document Type |
|---|---|---|
| N/A | N/A | N/A |

# 8. Attachments/Appendix

None

# 9. Signatures

By signing this section, the individuals listed below acknowledge that they have reviewed and approved the scope of the effort described in this Functional Requirements Specification (FRS) for **Error! No text of specified style in document..** The signatures below represent the approval for execution of this FRS.

| Author | | |
|---|---|---|
| | | |
| | **Name** | **Designation/Role** |
| | | |
| | **Signature** | **Date** |

The following people have reviewed and approved the contents of this document.

| Approver 1 | | |
|---|---|---|
| | | |
| | **Name** | **Designation/Role** |
| | | |
| | **Signature** | **Date** |
| Approver 2 | | |
| | | |
| | **Name** | **Designation/Role** |
| | | |
| | **Signature** | **Date** |

## 10. Revision History

This document has been revised as follows:

| Document Version | Date | Revised By | Description/Reason for Revision |
|---|---|---|---|
| Version 1.0 | 11 Oct, 2019 | Nguyen Hoang Bao Phuc | Initial version |

## 11. Distribution List

This document shall be made available as soft copies to the following users below:

| # | Name | Designation/Role | Department |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |